

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Pleiku
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/01/2021 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Giao thông vận tải số 1563/QĐ-BGTVT ngày 23/08/2019 phê duyệt nhiệm vụ, dự toán điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Pleiku giai đoạn đến năm 2030; số 353/QĐ-BGTVT ngày 10/03/2021 phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Pleiku thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 4097/TTr-CHK ngày 13/8/2024 của Cục Hàng không Việt Nam về việc trình phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không (CHK) Pleiku thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 3704/CHK-QLC ngày 24/7/2024 tiếp thu, giải trình hồ sơ Quy hoạch Cảng hàng không Pleiku thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 1020/KHĐT ngày 26/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không Pleiku thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch Cảng hàng không Pleiku thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Địa điểm: Cảng hàng không Pleiku, tỉnh Gia Lai

3. Thời kỳ quy hoạch: Thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Nội dung quy hoạch

4.1. Vị trí, chức năng trong mạng cảng hàng không, sân bay toàn quốc: Là cảng hàng không quốc nội.

4.2. Tính chất sử dụng: Sân bay dùng chung dân dụng và quân sự.

4.3. Mục tiêu quy hoạch

a) Thời kỳ 2021-2030

- Cấp sân bay 4C (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế - ICAO) và sân bay quân sự cấp II.

- Công suất: khoảng 4,0 triệu hành khách/năm và 4.500 tấn hàng hóa/năm.

- Loại tàu bay khai thác là code C như A320/A321 và tương đương.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: CAT I đầu 27 và gián đơn đầu 09.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

- Cấp sân bay 4C và sân bay quân sự cấp II.

- Công suất: khoảng 5,0 triệu hành khách/năm và 12.000 tấn hàng hóa/năm.

- Loại tàu bay khai thác là code C như A320/A321 và tương đương.

- Phương thức tiếp cận hạ cánh: CAT I đầu 27 và gián đơn đầu 09.

4.4. Quy hoạch hạng mục các công trình khu bay

a) Hệ thống đường cát hạ cánh

- Thời kỳ 2021-2030: Kéo dài đường cát hạ cánh hiện hữu về phía Đông (đầu 27) thêm khoảng 600 m lên thành 3.000 m x 45 m, kích thước lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Giữ nguyên cấu hình đường cát hạ cánh đã được quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

b) Hệ thống đường lăn

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch 01 đường lăn song song, quy hoạch hệ thống đường lăn nối, đường lăn thoát nhanh theo nhu cầu kết nối với sân đỗ tàu bay mới quy hoạch ở phía Bắc, kích thước, lề vật liệu theo quy định.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch bổ sung đường lăn nối theo nhu cầu, kích thước lề vật liệu theo quy định.

c) Sân đỗ tàu bay

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch sân đỗ tàu bay phía Bắc đường cát hạ cánh, đồng bộ với khu hàng không dân dụng mới đáp ứng khoảng 14 vị trí đỗ.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch mở rộng đáp ứng khoảng 18 vị trí đỗ, có dự trữ để mở rộng khi có nhu cầu.

4.5. Quy hoạch các công trình bảo đảm hoạt động bay

a) Đài kiểm soát không lưu

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch Đài kiểm soát không lưu phía Bắc đường cát hạ cánh, phía tây khu hàng không dân dụng mới.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Duy trì Đài kiểm soát không lưu đã được quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

b) Hệ thống thiết bị dẫn đường

- Quy hoạch hệ thống đài dẫn đường DVOR/DME phía Nam đường cát hạ cánh, cách đầu 27 của đường cát hạ cánh kéo dài khoảng 650 m về phía Tây với diện tích khoảng 1,4 ha.

- Quy hoạch hệ thống đèn tiếp cận CAT I ở đầu 27 và giảm đơn ở đầu 09 đường cất hạ cánh và hệ thống thiết bị phụ trợ hạ cánh ILS đồng bộ với hệ thống đèn tiếp cận.

c) Hệ thống đèn hiệu sân bay

Quy hoạch hệ thống đèn hiệu sân bay đảm bảo đồng bộ khai thác.

d) Hệ thống quan trắc khí tượng tự động

Quy hoạch hệ thống quan trắc thời tiết tự động (AWOS) phù hợp với yêu cầu khai thác tại Cảng.

đ) Các công trình bảo đảm hoạt động bay khác

Nghiên cứu bố trí hệ thống tự động cảnh báo xâm nhập đường cất hạ cánh (ARIWS), hệ thống giám sát đa điểm (MLAT), hệ thống ra đa thời tiết, hệ thống giám sát bề mặt đường cất hạ cánh, hệ thống thiết bị phát hiện và xua đuổi chim, hệ thống cảnh báo gió đứt, các công trình bảo đảm hoạt động bay khác khi có nhu cầu. Vị trí cụ thể sẽ được xác định trong bước triển khai dự án để đảm bảo hệ thống hoạt động tối ưu.

4.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung

a) Đường giao thông nội cảng

- Đường trục vào Cảng: Kết nối về phía Tây thông qua tuyến đường Phạm Ngọc Thạch được dự kiến quy hoạch kéo dài và về phía Bắc thông qua tuyến đường dự kiến được bổ sung trong quy hoạch của địa phương.

- Đường giao thông nội Cảng: Quy hoạch các tuyến đường kết nối từ đường trục tới các khu chức năng của Cảng.

- Đường công vụ: Sử dụng đường công vụ hiện hữu, quy hoạch bổ sung hệ thống đường công vụ bảo đảm phục vụ công tác an ninh, an toàn của Cảng.

b) Hệ thống sân đỗ ô tô

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch sân đỗ ô tô phía Bắc nhà ga hành khách mới đáp ứng công suất khai thác.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Mở rộng bãi đỗ xe đáp ứng công suất khai thác các nhà ga hành khách.

c) Hệ thống cấp điện

Quy hoạch trạm cấp điện trên khu đất phía Tây nhà ga hành khách mới, đồng bộ với khu hàng không dân dụng, diện tích khoảng 4.000 m²; đảm bảo nhu cầu khai thác, có khả năng nâng cao công suất khi có nhu cầu; lấy nguồn điện từ lưới điện thành phố Pleiku.

d) Hệ thống cấp nước

Quy hoạch trạm cấp nước, trên khu đất phía Tây Bắc nhà ga hành khách mới, đồng bộ với khu hàng không dân dụng, diện tích khoảng 2.000 m²; đảm bảo nhu cầu khai thác, có khả năng nâng cao công suất khi có nhu cầu; lấy nguồn nước từ hệ thống cấp nước thành phố Pleiku.

đ) Hệ thống thoát nước

Quy hoạch hệ thống mương, công, rãnh thoát nước khu vực đường cất hạ cánh, sân đỗ tàu bay, các đường lăn mới và khu vực hàng không dân dụng mới.

e) Hệ thống xử lý nước thải, Khu vực lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Quy hoạch trên khu đất phía Đông nhà ga hành khách mới với diện tích khoảng

2.000 m², đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường, có khả năng mở rộng khi có nhu cầu.

4.7. Quy hoạch các công trình dịch vụ hàng không

a) Nhà ga hành khách

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch nhà ga hành khách mới khu vực phía Bắc đầu 27 đường cất hạ cánh kéo dài, công suất khoảng 4,0 triệu hành khách/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Mở rộng nhà ga hành khách khi có nhu cầu để đáp ứng công suất khoảng 5,0 triệu hành khách/năm; có dự trữ đất phát triển.

b) Nhà ga hàng hóa

- Thời kỳ 2021-2030: Quy hoạch nhà ga hàng hóa phía Đông nhà ga hành khách mới, đáp ứng công suất khoảng 4.500 tấn hàng hóa/năm.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Mở rộng nhà ga hàng hóa khi có nhu cầu để đáp ứng công suất khoảng 12.000 tấn hàng hóa/năm; có dự trữ đất phát triển.

c) Công trình sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không: Quy hoạch 01 vị trí phía Tây Bắc khu vực sân đỗ tàu bay mới, diện tích khoảng 4.000 m².

d) Bãi tập kết phương tiện, thiết bị mặt đất: Quy hoạch 01 vị trí phía Đông khu vực sân đỗ tàu bay mới, diện tích khoảng 11.000 m².

đ) Công trình dịch vụ xăng dầu hàng không: Quy hoạch 01 vị trí phía Đông Bắc nhà ga hành khách mới trên khu đất diện tích khoảng 30.000 m²; mở rộng khi có nhu cầu.

e) Công trình dịch vụ suất ăn hàng không: Quy hoạch 01 vị trí phía Đông khu hàng không dân dụng mới trên khu đất diện tích khoảng 11.000 m²; mở rộng khi có nhu cầu.

4.8. Quy hoạch các công trình dịch vụ phi hàng không, các công trình khác

a) Nhà điều hành Cảng: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 10.000 m².

b) Cảng vụ hàng không: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 10.000 m².

c) Khu hàng không chung: Quy hoạch khu hàng không chung ở phía Tây nhà ga hành khách mới, trên khu đất diện tích khoảng 5.000 m².

d) Trụ sở làm việc của Công an địa phương: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 2.000 m².

đ) Trụ sở làm việc của Trung tâm y tế: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 2.000 m².

e) Văn phòng các hãng hàng không: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 8.000 m².

g) Khu đào tạo, huấn luyện cứu hỏa: Quy hoạch trên khu đất diện tích khoảng 6.000 m².

h) Khu xử lý bom mìn: Quy hoạch phía Đông Bắc đường cất hạ cánh, diện tích khoảng 1.000 m².

4.9. Quy hoạch công trình bảo đảm an ninh hàng không, Hệ thống khẩn nguy, cứu nạn

- Hệ thống khẩn nguy, cứu nạn: Cấp cứu hỏa sân bay đạt cấp 7 theo quy định của ICAO; Quy hoạch Trung tâm khẩn nguy cứu nạn phía Tây nhà ga hành khách mới và phía Bắc đường cất hạ cánh và quy hoạch trạm khẩn nguy cứu nạn tại phía đầu 09 đường cất hạ cánh.

- Quy hoạch hệ thống hàng rào bao quanh ranh giới Cảng và hệ thống hàng rào an ninh.

4.10. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng nhu cầu sử dụng đất là 383,68 ha, trong đó:

- Diện tích đất do hàng không dân dụng quản lý: 98,87 ha;
- Diện tích đất do quân sự quản lý: 176,73 ha;
- Diện tích đất dùng chung giữa quân sự và hàng không dân dụng: 108,08 ha.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu Báo cáo thẩm định của Vụ Kế hoạch - Đầu tư để hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch theo quy định; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và các cơ quan liên quan tổ chức công bố, quản lý và thực hiện Quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cập nhật nội dung Quy hoạch vào các quy hoạch của địa phương, chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, cập nhật bổ sung các tuyến đường kết nối với Cảng hàng không Pleiku vào Quy hoạch của địa phương; bố trí và bảo vệ quỹ đất phù hợp theo Quy hoạch được duyệt, có phương án về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đảm bảo quỹ đất sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu phát triển mở rộng theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ; các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Kết cấu hạ tầng giao thông, Khoa học - Công nghệ và Môi trường; Cục trưởng các Cục: Hàng không Việt Nam, Quản lý đầu tư xây dựng và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: QP, CA, KH&ĐT, TC, XD, NN&PTNT, TN&MT, VHHT&DL, Công Thương;
- Ủy ban QLVNN tại doanh nghiệp;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Các TCT: ACV, VATM;
- Viện Chiến lược và Phát triển GTVT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, Vụ KHĐT_{HaiVD}.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn